

CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU CHI
THÁNG 06 NĂM 2024

I/ NGUỒN NGÂN SÁCH

TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN			GHI CHÚ
		TỜNĐK	DỰ TOÁN CẤP	TOÁN ĐẢ RÚT	
1	Ngân sách nguồn 13	5.707.736.462		770.577.492	4.937.158.970
2	Ngân sách nguồn 14 (9523)	1.093.755.162		143.122.573	950.632.589
3	Ngân sách nguồn 14 (9527)	3.984.469.967		7.715.952	3.976.754.015
4	Ngân sách nguồn 12 (9527)	3.585.450.920		144.506.838	3.440.944.082
	TỔNG CỘNG	14.371.412.511	-	1.065.922.855	13.305.489.656

II/ NGUỒN THU TẠI ĐƠN VỊ

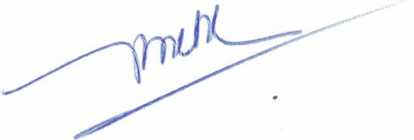
TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN			
		TỜNĐK	THU	CHI	GHI CHÚ
1	Căn tin	201.343.806		-	201.343.806
2	Bãi xe	49.400.000		1.000.000	48.400.000
3	Lãi ngân hàng	3.587.919	521.900		4.109.819
4	Anh văn giao tiếp	401.263.089	750.000	177.082.688	224.930.401
5	Học phí	1.851.472.948		243.900.141	1.607.572.807
6	Tổ chức PVBT	19.431.544		11.247.080	8.184.464
7	Tổ chức 2 buổi	22.437.066	946.000	14.628.240	8.754.826
8	Vệ sinh phí	96.780.307		15.992.430	80.787.877
9	Tin học chuẩn quốc tế	310.576.106		303.012.846	7.563.260
10	Toán Khoa	86.174.242		73.671.508	12.502.734
11	Kỹ năng sống	109.134.671	80.000	106.918.167	2.296.504
12	Trang bị bán trú	35.382.720		-	35.382.720
13	Anh Văn tăng cường	19.148.085		400.200	18.747.885
14	Câu lạc bộ	2.173.450		436.240	1.737.210
15	Thu khác	1.120.000			1.120.000
16	Thặng dư từ hoạt động hành chính	15.083.780			15.083.780
17	Tiền ăn	307.550			307.550
18	KNS	-			-
19	Sổ liên lạc	17.932.000			17.932.000
20	Trợ giảng KNS và Ila	20.541.500		18.361.000	2.180.500
21	Phần mềm K12	59.722.883	100.000		59.822.883
22	Ứng dụng ôn tập trực tuyến	159.095.000		151.649.155	7.445.845
23	Bảo hiểm y tế	-			-
24	Chăm sóc sức khỏe ban đầu	127.044.751			127.044.751
25	Bảo hiểm tai nạn	16.662.568			16.662.568
26	Học phẩm	31.045.340		13.454.000	17.591.340
27	Nước uống	28.341.768		28.263.800	77.968
28	Khám sức khỏe	1.430.000			1.430.000
29	KP hoạt động dự án	-			-
30	Thu khác	9.093.989		177.000	8.916.989

TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN			GHI CHÚ
		TỜN ĐK	DỰ TOÁN CẤP	TOÁN ĐÃ RÚT	
31	Thu khác (khen thưởng chi hộ)	-	5.400.000		5.400.000
32	Tạm thu thuế TNCN	60.976.000			60.976.000
	Tổng cộng	3.756.703.082	7.797.900	1.160.194.495	2.604.306.487

III/ CHI TIẾT CÁC QUỸ:

TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN			
		TỜN ĐK	THU	CHI	GHI CHÚ
1	Tiền mặt	5.371.406		-	5.371.406
2	Tiền gửi KB TK 3716	3.640.920.511		794.364.245	2.846.556.266
3	Tiền gửi NH NN	4.522.322.080	2.297.900	1.785.958.782	2.738.661.198
4	Tiền gửi NH Sài Gòn thương tín	1.206.290	1.683.287.133	1.683.364.133	1.129.290
5	Tiền gửi KB TK 3713	1.500.000	5.400.000		6.900.000
6	Tạm ứng	180.000.000			180.000.000
7	Quỹ khen thưởng	199.681.495		43.751.000	155.930.495
8	Quỹ Phúc lợi	(80.360.982)		83.832.403	(164.193.385)
9	Quỹ ổn định thu nhập	2.797.991			2.797.991
10	Quỹ phát triển SN	1.024.753.445		9.600.000	1.015.153.445
11	Nguồn CCTL	1.853.326.256			1.853.326.256
	Tổng cộng	11.351.518.492	1.690.985.033	4.400.870.563	8.641.632.962

Kế toán



Trần Thị Thu Hà

Ngày 01 tháng 07 năm 2024

Hiệu trưởng



Nguyễn Văn Hiền